

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 30/6/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Các Thẩm phán:

Bà **Đỗ Thị Nhung**

Ông **Võ Văn Toàn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:* Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 và ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2022/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 153/2021/HNGĐ-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 24/2022/QĐPT ngày 20/4/2022; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 132/BT-TA ngày 10/5/2022; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 155/TB-TA ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 1117/9 tổ 1, ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trần Q**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 1117/9 tổ 1, ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.**

Địa chỉ trụ sở: 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Đường Nguyễn Hữu Cánh, ấp Xóm Hố, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Đặng Á**, sinh năm 1966

Địa chỉ: 29 khu phố Phước Lai, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông Q có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Q kết hôn vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống. Do tình cảm không còn nên bà xin ly hôn với ông Trần Q.

Về con chung: có 02 con chung là Trần H, sinh ngày 07/8/1998; Trần L, sinh ngày 11/10/2007. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết, bà đồng ý giao Cháu L cho ông Q nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có: Quyền sử dụng đất diện tích 92,5 m² thuộc thửa số 800 tờ bản đồ số 58, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 635164 ngày 11/4/2016 đứng tên bà và ông Trần Q. Bà và ông Q thống nhất xác định giá trị tài sản quyền sử dụng đất nêu trên là 1.572.500.000 đồng, bà yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung nêu trên, bà đồng ý để ông Q được quyền quản lý, sử dụng đất và có trách nhiệm thanh toán lại ½ giá trị đất cho bà số tiền là 786.250.000 đồng.

Ngày 24/6/2020 bà có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung của bà và ông Q là quyền sử dụng đất diện tích 180 m² (ngang 06 m dài 25 m) thửa số 40 tờ bản đồ số 49 xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, do bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà và ông Q nhận chuyển nhượng phần đất trên và hiện tại đất đang đứng tên người khác nên ngày 30/7/2020 bà có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng bà gồm có:

- Khoản vay của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Nhơn Trạch số tiền 800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2020133/KHBL ngày 26/02/2020. Khoản nợ vay này bà đồng ý cùng ông Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông Q đã thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng nên bà đồng ý thanh toán lại cho ông Q số tiền 400.000.000 đồng.

Ngoài ra giữa bà và ông Q không còn tài sản chung và khoản nợ chung nào khác.

Đối với việc ông Q cho rằng ông Q đã đưa cho bà toàn bộ số tiền vay của ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam 800.000.000 đồng để bà trả nợ riêng là không đúng sự thật, khoản vay nêu trên bà và ông Q cùng vay, mục đích vay để bà trả nợ cho bạn của bà đối với khoản vay trong quá trình làm ăn của gia đình, tuy nhiên khi ông Q rút tiền vay về chỉ đưa cho bà số tiền 400.000.000 đồng để trả nợ, còn lại ông Q giữ 400.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Q yêu cầu bà thanh toán số tiền 147.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số nợ gốc và lãi của khoản vay 250.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Nhơn Trạch theo hợp đồng tín dụng số 2016756/KHBL ngày 16/9/2016 thì bà không đồng ý, vì khoản vay trên bà và ông Q đã thanh toán xong cho Ngân hàng từ ngày 08/9/2019, thanh toán bằng tài sản chung của vợ chồng. Ông Q cho rằng đã thanh toán cho Ngân hàng bằng nguồn tiền riêng của ông Q là không có căn cứ, bà không đồng ý.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Q về việc yêu cầu bà thanh toán 03 khoản nợ mà ông Q cho rằng bà vay của ông Q trong thời kỳ hôn nhân với tổng số tiền 170.000.000 đồng bà không đồng ý, số tiền 70.000.000 đồng mà ông Q cho rằng bà vay của ông Q vào cuối năm 2019 là không đúng, số tiền này ông Q dùng để mua xe máy và lặt vặt cho bà chứ không phải đưa cho bà vay. Đối với số tiền ông Q cho rằng ngày 08/3/2019 bà nhờ ông Q vay 100.000.000 đồng của ông Ân là không đúng. Ông Q có đưa cho bà số tiền 100.000.000 đồng trong khoảng tháng 3/2019, số tiền này là tiền tiết kiệm của vợ chồng chứ không phải tiền vợ chồng đi vay. Thời điểm đó, ông Q đi làm có tiền lương hàng tháng nhưng chỉ đưa cho bà 7.000.000 đồng/tháng để chi tiêu trong gia đình, số tiền lương còn lại ông Q giữ không đưa cho bà, do đó, số tiền 100.000.000 đồng ông Q đưa cho bà là tiền lương mà ông Q giữ lại từ trước đó chứ không phải là tiền ông Q đi vay của ông Ân. Lý do ông Q đưa 100.000.000 đồng cho bà là do đầu tư tiền ảo bị lỗ, ông Q và bà bàn bạc bỏ thêm tiền để đầu tư gỡ lại vốn chứ không phải tiền bà vay của ông Hoàn.

- Theo nội dung bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Q trình bày:

Ông và bà Bùi Thị H kết hôn vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do Bà H làm ăn ở ngoài và nợ nần, ông đã nhiều lần phải đứng trả nợ cho Bà H. Do nguyên nhân mâu thuẫn chuyện tiền bạc nêu trên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông và Bà H đã sống ly thân từ khoảng tháng 03/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vấn đề tiền bạc, nợ nần Bà H gây ra chứ không phải do ông, hiện tình cảm vợ chồng không còn nên

ông đồng ý ly hôn với Bà H.

Về con chung: Ông và Bà H có 02 con chung là Trần H, sinh ngày 07/8/1998; Trần L, sinh ngày 11/10/2007. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Linh, yêu cầu Bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Quyền sử dụng đất diện tích 92,5 m² thuộc thửa số 800 tờ bản đồ số 58, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 635164 ngày 11/4/2016 đứng tên ông và bà Bùi Thị H. Ông thống nhất với Bà H xác định quyền sử dụng đất diện tích 92,5 m² thuộc thửa số 800 tờ bản đồ số 58, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nêu trên có giá trị là 1.572.500.000 đồng. Ông đồng ý chia tài sản chung nêu trên, ông yêu cầu được quản lý, sử dụng đất, ông có trách nhiệm thanh toán lại ½ giá trị đất cho Bà H số tiền là 786.250.000 đồng. Do ông đã đưa cho Bà H toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng (tiền vay của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2020133/KHBL ngày 26/02/2020) giao tiền cho Bà H vào ngày 26/02/2020, khi giao tiền không làm giấy tờ gì, số tiền trên Bà H nói ông vay để cho Bà H trả nợ), như vậy xem như ông đã thanh toán cho Bà H số tiền 800.000.000 đồng (hơn ½ giá trị quyền sử dụng đất của thửa số 800 tờ bản đồ số 58) nên ông không đồng ý thanh toán tiếp cho Bà H số tiền 786.250.000 đồng.

Về nợ chung của vợ chồng ông gồm có:

- Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Nhơn Trạch số tiền 800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2020133/KHBL ngày 26/02/2020. Hiện khoản vay trên ông đã thanh toán xong cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/11/2020 bằng tài sản riêng của ông, đối với số tiền ông đã bỏ ra để thanh toán toàn bộ khoản nợ chung 800.000.000 đồng nêu trên thì ông không có yêu cầu phản tố trong vụ án này mà ông chỉ trình bày để Tòa án xem xét trong quá trình giải quyết chia tài sản chung của ông và Bà H.

- Đối với Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Nhơn Trạch số tiền 250.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2016756/KHBL ngày 16/9/2016. Hiện khoản vay trên ông đã thanh toán xong cho ngân hàng vào ngày 08/9/2019, thanh toán toàn bộ bằng nguồn tiền riêng của ông (Tiền lương hàng tháng của ông) do vậy ông khởi kiện phản tố yêu cầu Bà H có trách nhiệm thanh toán lại cho ông ½ số nợ gốc và lãi là 147.000.000 đồng.

Ngoài ra còn các khoản nợ mà Bà H vay của ông trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Ngày 08/3/2019 Bà H nhờ ông vay của ông Đặng Á số tiền 100.000.000

đồng, ông đã vay của ông Ân và cho Bà H vay lại, không tính lãi suất, ông giao tiền cho Bà H cùng ngày 08/3/2019, khi giao tiền cho Bà H ông không làm giấy tờ gì.

- Khoảng tháng 05/2019 Bà H có hỏi vay ông số tiền 20.000.000 đồng, không rõ mục đích, ông đã cho Bà H vay số tiền trên, không tính lãi suất, ông giao cho Bà H số tiền 20.000.000 đồng trong năm 2019 (không nhớ cụ thể ngày, tháng nào), khi giao tiền cho Bà H không làm giấy tờ gì.

- Tháng 02/2020 Bà H có hỏi vay ông số tiền 50.000.000 đồng, không rõ mục đích, ông cho Bà H vay không tính lãi suất, ông đã giao cho Bà H 50.000.000 đồng trong năm 2020 (không nhớ cụ thể ngày, tháng nào), khi giao tiền cho Bà H không làm giấy tờ gì.

Do đó, ông khởi kiện phản tố yêu cầu Bà H thanh toán cho ông các khoản nợ nêu trên, tổng cộng là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

- Theo nội dung bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Á trình bày:

Ông là bạn của ông Trần Q. Ông có cho ông Q vay số tiền 170.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 02/01/2019, do ông Q kẹt tiền nên có hỏi vay ông số tiền 70.000.000 đồng. Vì ông Q là người tử tế và số tiền không lớn nên không làm hợp đồng công chứng, chỉ viết giấy tay hai bên cùng ký xác nhận.

- Lần 2: Vào ngày 08/3/2019, ông Q có tiếp tục hỏi vay ông số tiền 100.000.000 đồng và ông cũng đồng ý cho ông Q vay, có làm giấy tay vay tiền do hai bên cùng ký xác nhận.

Như vậy, qua 02 lần ông cho ông Q vay tiền tổng cộng là 170.000.000 đồng, không tính tiền lãi, vì ông và ông Q là chỗ bạn bè. Ông chỉ cho ông Q vay, không liên quan đến người thứ ba. Ông xác định số tiền nêu trên là ông cho ông Q vay để giúp đỡ lúc khó khăn và chỉ có ông Q có trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến việc phân chia tài sản chung của vợ chồng ông Hoàn.

- Theo nội dung văn bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch và ông Trần Q, bà Bùi Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 2016756/KHBL ngày 16/9/2016 với tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số CD 635164 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/4/2016 theo Hợp đồng thế chấp số 2016417/HĐTC.BL ngày 16/9/2016 đứng tên ông Trần Q và khách hàng đã tắt toán khoản vay và giải chấp tài sản vào ngày 16/9/2019.

Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch và ông Trần Q có ký hợp đồng tín dụng số 2020133/KHBL ngày 26/02/2020

với tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số CD 635164 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/4/2016 theo Hợp đồng thế chấp số 2020063/HĐTC.BL ngày 26/02/2020 và khách hàng đã tắt toán khoản vay và giải chấp tài sản vào ngày 16/11/2020.

Hiện tại các khoản vay trên của ông Hoàn, Bà H đã được tắt toán và giải chấp tài sản bảo đảm. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản nợ vay tín dụng của bà Bùi Thị H và ông Trần Q theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 153/2021/HNGĐ-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Bùi Thị H

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Trần Q.

Về con chung: Giao con chung Trần L, sinh ngày 11/10/2007 cho ông Trần Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà Bùi Thị H cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 31/12/2021 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Bà Bùi Thị H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị H về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đối với quyền sử dụng đất diện tích 92,5 m² thuộc thửa số 800 tờ bản đồ số 58, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 635164 ngày 11/4/2016. Giao cho ông Trần Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 92,5 m² thuộc thửa số 800 tờ bản đồ số 58, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 1 theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 707/2021 ngày 28/01/2021 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- chi nhánh Long Thành thực hiện, có tứ cận Đông giáp thửa đất số 799, Tây giáp thửa đất số 801, Nam giáp đường nhựa, Bắc giáp thửa đất số 763. Ông Trần Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị H số tiền tương đương với ½ giá trị quyền sử dụng đất là 786.250.000 (bảy trăm tám mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Q về việc yêu cầu bà Bùi Thị H trả số tiền 170.0000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Q về việc yêu cầu bà Bùi Thị H trả số tiền 147.0000.000 (một trăm bốn mươi bảy triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 11/01/2022, bị đơn ông Trần Q có đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 153/2021/HNGĐ-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng: Yêu cầu Tòa án xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn của Bà H và ông Q là không trầm trọng, tại phiên tòa phúc thẩm ông Q xác định còn tình cảm với Bà H và không muốn ly hôn, Bà H cũng thừa nhận còn tình cảm với ông Q và không muốn gia đình đổ vỡ, mục đích Bà H làm đơn ly hôn là để có tiền trả nợ, ông Q cũng đồng ý sẽ cùng Bà H làm ăn trả nợ khi vợ chồng đoàn tụ, cháu Trần L, sinh ngày 11/10/2007 cũng gửi đơn cứu xét đề nghị Tòa án không cho ba mẹ ly hôn vì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Do đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Trần Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bà Bùi Thị H và ông Trần Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/1997, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Ông Q kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn ly hôn của Bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa các đương sự khai như sau:

Về tình cảm: Ông Q xác định còn thương Bà H, mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, cả hai vẫn chung sống với nhau. Do Bà H làm ăn để vợ nợ, ông đã vay tiền trả 02 lần giúp Bà H, nay ông không trả nên Bà H yêu cầu ly hôn, ngoài ra cả

hai vợ chồng ông không còn gì mâu thuẫn, các con ông bà cũng không muốn cha mẹ ly hôn.

Bà H trình bày: Bà thừa nhận làm ăn thua lỗ, có nợ nần nhưng ông Q không giúp bà trả nợ nên bà xin ly hôn chia tài sản để lấy tiền trả nợ. Bà cũng xác định vợ chồng không có gì mâu thuẫn, bản thân bà còn thương ông Hoàn, không muốn gia đình tan vỡ, các con bà cũng không muốn, nhưng vì ông Q không phụ trả nợ cùng bà nên bà xin ly hôn.

Như vậy, qua lời trình bày của hai bên tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Q Bà H không có mâu thuẫn gì trầm trọng, cả hai còn yêu thương nhau. Các con ông bà có làm đơn cứu xét mong tòa không cho ba mẹ ly hôn, vì ly hôn sẽ ảnh hưởng tâm lý các cháu. Tại phiên tòa ông Q cũng hứa sẽ làm ăn trả nợ cùng Bà H. Bà H cũng trình bày nếu ông Q phụ bà trả nợ thì bà cũng không muốn ly hôn. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của ông Hoàn, không chấp nhận đơn xin ly hôn của Bà H, sửa bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H nên về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Q được chấp nhận nên ông Hoàn không phải phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Q, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 153/2021/HNGĐ-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 5, 6, 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 33, 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị H về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với ông Trần Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Bùi Thị H. Bà H được không được ly hôn với ông Hoàn.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí sao lục hồ sơ, xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 2.277.000 (hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng (Bà H đã nộp xong).

5. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.800.000đ Bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003330 ngày 29/4/2020 và số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ Bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001683 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Hoàn trả lại cho Bà H số tiền tạm ứng án phí còn dư là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Hoàn trả cho ông Trần Q số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 7.925.000đ (Bảy triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001554 ngày 11/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Án phí phúc thẩm: Ông Q không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Q đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005199 ngày 13/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Long Thành;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thu Hương